

NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÁC TỈNH VÙNG BẮC TRUNG BỘ GIAI ĐOẠN 2016-2020*

NGUYỄN DIỄN AN

Trưởng phòng Quản lý Khoa học - Sở KH&CN Quảng Bình

Thời gian qua, các tỉnh Bắc Trung Bộ đã có bước phát triển nhanh về kinh tế, tuy nhiên vẫn thấp hơn mức bình quân toàn quốc; cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng lớn, công nghiệp, dịch vụ phát triển chưa bền vững; hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn chưa đồng bộ, ô nhiễm và suy thoái môi trường ngày càng có nguy cơ cao; thu nhập dân cư và đời sống nhân dân còn thấp so với bình quân cả nước; tiềm lực khoa học và công nghệ (KH&CN) còn hạn chế cả về cơ sở vật chất, tài chính và nhân lực...

Ngày 9 tháng 7 năm 2013, Chính phủ đã phê duyệt Quyết định số 1114/QĐ-TTg về quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung đến năm 2020, trong đó đã xác định rõ một số mục tiêu kinh tế được đặt ra đối với vùng Bắc Trung Bộ. Quy hoạch cũng đặt ra yêu cầu về hoạt động KH&CN với các nội dung quan trọng về: Phát triển đa dạng tiềm lực KH&CN; đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, trước hết là trong nông nghiệp; tăng cường đổi mới công nghệ để phát triển các sản phẩm chủ lực; gắn kết giữa đào tạo - nghiên cứu - sản xuất - chuyển giao một cách có hiệu quả. Trên cơ sở các định hướng lớn đối với nhiệm vụ phát triển KH&CN của Quốc gia (nêu trong Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/4/2012

của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chiến lược phát triển KH&CN đến năm 2020) và quy định của Luật KH&CN năm 2013; bám sát các nội dung trọng tâm về KH&CN; phát huy những kết quả đạt được trong những năm qua, hoạt động KH&CN của vùng Bắc Trung Bộ trong giai đoạn 2016 - 2020 tập trung vào một số nội dung chính sau:

1. Đối với hoạt động KH&CN chung cho cả vùng Bắc Trung Bộ

Hàng năm, tại các cuộc họp chung giữa lãnh đạo các tỉnh trong Vùng Bắc Trung Bộ, cần đưa KH&CN là một trong những nội dung chính thức trong chương trình làm việc để có những hành động cụ thể cho phát triển KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của mỗi địa phương cũng như đối với Vùng.

Các tỉnh trong vùng cần nghiên cứu chỉ đạo, xây dựng các chương trình liên kết giữa các Sở KH&CN trong Vùng trong việc hình thành và phát triển sản xuất một số sản phẩm của Vùng dựa vào KH&CN; xác định rõ vai trò, nhiệm vụ của KH&CN tác động vào từng công đoạn tạo sản phẩm; hình thành chương trình hỗ trợ doanh nghiệp về vốn, chuyên gia, chuyển giao công nghệ, xây dựng và phát triển các sản phẩm thương hiệu.

Nghiên cứu, xây dựng hoàn chỉnh “mô hình” Trung tâm KH&CN cấp Vùng, có đủ năng lực sáng tạo, làm chủ công nghệ tiên

(*) Theo báo cáo của Vụ Phát triển KH&CN địa phương - Bộ KH&CN

tiến, đủ năng lực giải quyết những vấn đề lớn gắn với tiềm năng, lợi thế của vùng để dẫn dắt làm cầu nối chuyển giao cho các địa phương trong Vùng và cả nước.

Hình thành mạng lưới liên kết phát triển Trung tâm nghiên cứu Vùng: Hiện tại, Bộ KH&CN đã đầu tư hình thành Trạm thử nghiệm và ươm tạo công nghệ tại Thạch Thành, Thanh Hóa với quy mô 20ha, đây sẽ là nơi lựa chọn, tiếp nhận và chuyển giao các ứng dụng công nghệ cao, xây dựng mô hình trình diễn, đào tạo, khởi nghiệp ươm tạo doanh nghiệp..., rất cần sự vào cuộc của các địa phương trong việc đặt hàng các nội dung nghiên cứu, phối hợp triển khai một số hoạt động liên quan đến phát triển Vùng.

2. Đối với hoạt động KH&CN của từng địa phương

Xác định các nội dung trọng tâm về hoạt động KH&CN bám sát cơ cấu kinh tế của địa phương, của Vùng; xây dựng kế hoạch, đề xuất cân đối nguồn lực để đảm bảo khẳng định vai trò của KH&CN là góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương; có giải pháp huy động nguồn lực đầu tư, trong đó rất cần được cân đối bổ sung ngân sách từ địa phương để phấn đấu đạt 2% tổng chi ngân sách địa phương cho KH&CN.

Hướng trọng tâm hoạt động KH&CN gắn liền với hoạt động của doanh nghiệp sản xuất, đồng hành cùng doanh nghiệp để tháo gỡ các khó khăn vướng mắc, nhất là về các công nghệ trong sản xuất.

Rà soát, hoàn chỉnh quy hoạch hệ thống mạng lưới tổ chức KH&CN; phát triển doanh



Xây dựng đội ngũ nguồn nhân lực chất lượng phục vụ hoạt động hoạt động KH&CN của Sở KH&CN Quảng Bình

Ảnh: TL

nh nghiệp KH&CN của từng địa phương theo hướng nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động, nhất là việc tạo ra sản phẩm mới, sản phẩm có giá trị cao; tăng cường tiềm lực cho hệ thống đánh giá chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn Quốc tế, đảm bảo cho phát triển sản xuất hướng đến xuất khẩu.

3. Một số nhiệm vụ trọng tâm

3.1. Phát triển nguồn lực KH&CN

Tiến hành sắp xếp, quy hoạch các tổ chức KH&CN công lập thuộc địa phương bảo đảm phù hợp Quy hoạch mạng lưới tổ chức KH&CN công lập đến năm 2020, tầm nhìn 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 171/QĐ-TTg ngày 27 tháng 1 năm 2016; hướng dẫn các tổ chức KH&CN công lập căn cứ thực tiễn hoạt động của đơn vị, lựa chọn hình thức tự chủ phù hợp với quy định tại Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định cơ chế tự chủ của tổ chức KH&CN công lập.

Tiếp tục triển khai thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực trình độ của

đội ngũ quản lý KH&CN; công tác quy hoạch, bổ nhiệm chức danh lãnh đạo Sở KH&CN bảo đảm theo đúng quy định, đáp ứng yêu cầu công tác quản lý của địa phương, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh giám đốc, phó giám đốc Sở KH&CN quy định tại Thông tư số 06/2015/TT-BKH&CN ngày 26 tháng 3 năm 2015 của Bộ KH&CN.

Đẩy mạnh việc hỗ trợ, hình thành hệ thống doanh nghiệp KH&CN, đề xuất dự án tham gia “Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp KH&CN và tổ chức KH&CN công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm”; tiếp tục triển khai Đề án “Nâng cao năng lực của Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN, Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”.

3.2. Đẩy mạnh hoạt động ứng dụng, phát triển đổi mới công nghệ

Tập trung hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, phát triển sản phẩm công nghệ có chất lượng cao: Quán triệt chủ trương lấy doanh nghiệp làm trung tâm cho việc đổi mới, chuyển giao công nghệ, nhằm tạo dựng cơ chế liên kết hợp tác ba bên (các viện nghiên cứu, trường đại học - doanh nghiệp - cơ quan quản lý nhà nước), trong đó Nhà nước đóng vai trò cầu nối trong mối liên hệ giữa doanh nghiệp và các trường, viện; hoàn chỉnh cơ chế, chính sách hỗ trợ nhập khẩu, giải mã công nghệ phục vụ nghiên cứu, phát triển các sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm của Vùng; hỗ trợ doanh nghiệp tiếp nhận chuyển giao công nghệ từ các viện nghiên cứu, trường đại học trong cả nước. Tăng cường hỗ trợ cho doanh nghiệp tiếp thu các ứng dụng tiến bộ KH&CN nhằm khai thác lợi thế vùng miền như: Khai thác và nuôi trồng thủy hải sản bền vững; Bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen động thực

vật và vi sinh vật cho sản xuất hàng hóa có giá trị. Đặc biệt là nguồn gen để phát triển dược liệu và thực phẩm chức năng (Vùng Bắc Trung Bộ là nơi có ưu thế về nguồn gen này).

Quan tâm triển khai hình thành thị trường KH&CN và xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp. Đẩy mạnh hoạt động trình diễn và kết nối cung cầu công nghệ thông qua việc tổ chức mô hình sàn giao dịch công nghệ và thiết bị, và phối hợp với hệ thống sàn công nghệ và thiết bị Quốc gia nhằm phát triển thị trường KH&CN của địa phương và vùng. Quan tâm đến việc triển khai tính toán xây dựng cơ sở dữ liệu về tốc độ đổi mới công nghệ, thiết bị. Từng bước nghiên cứu, triển khai hỗ trợ doanh nghiệp về hoạt động xây dựng bản đồ công nghệ, làm cơ sở quan trọng cho việc xây dựng định hướng đổi mới, phát triển công nghệ lên trình độ cao hơn. Triển khai hướng dẫn các doanh nghiệp về tiêu chí, nội dung và hướng dẫn doanh nghiệp xây dựng dự án tham gia vào Chương trình đổi mới công nghệ Quốc gia.

3.3. Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng

Tích cực tham mưu cho Sở KH&CN ban hành hoặc trình UBND tỉnh, thành phố ban hành các văn bản quản lý về lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng (TCĐLCL), về hoạt động tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật tại địa phương, trong đó lưu tâm tham mưu cho tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn các cơ quan Nhà nước (UBND cấp huyện, cấp xã, Công an, Hải quan, Quản lý thị trường, Thanh tra...) và các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thực hiện Thông tư 28/2013/TT-BKH&CN; Kiện toàn tổ chức sự nghiệp thuộc Chi cục thực hiện chức năng dịch vụ kỹ thuật đo lường, thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhằm đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác quản lý Nhà nước về

TCĐLCL.

Tiếp tục hướng dẫn các cơ sở, doanh nghiệp xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, công bố tiêu chuẩn áp dụng, công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy; đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến hướng dẫn doanh nghiệp tham gia sử dụng mã số, mã vạch; phổ biến các thỏa thuận lẫn nhau, lộ trình và cam kết của Việt Nam về hài hòa tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong khu vực ASEAN (trong các lĩnh vực: vật liệu xây dựng, nông nghiệp, thực phẩm chế biến sẵn, cao su, điện tử, thiết bị y tế, ô tô...).

Đẩy mạnh việc triển khai thực hiện các quy định quản lý về hoạt động TCĐLCL, trong đó chú trọng các nội dung: đánh giá sự phù hợp và quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa đối với lĩnh vực thuộc trách nhiệm của Bộ KH&CN (mũ bảo hiểm, xăng dầu, LPG, đồ chơi trẻ em, thiết bị điện – điện tử, thép làm cốt bê tông, EMC); quản lý chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ lưu thông trên thị trường; quản lý chất lượng thép sản xuất trong nước và thép nhập khẩu theo quy định; cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa thuộc trách nhiệm của Bộ KH&CN ; tiếp tục triển khai hỗ trợ việc xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) vào hoạt động của các cơ quan hành chính Nhà nước.

Tăng cường hoạt động thanh, kiểm tra nhà nước về lĩnh vực TCĐLCL, trong đó tập trung vào một số lĩnh vực: kinh doanh vàng, xăng dầu; kinh doanh hàng đóng gói sẵn, mũ bảo hiểm, điện - điện tử, đồ chơi trẻ em; kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hóa; quản lý trang thiết bị y tế; kiểm định phương tiện cơ giới; kiểm định kỹ thuật an toàn trang thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ LĐTB&XH...

Đẩy mạnh việc triển khai “Chương trình quốc gia nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020”, trong đó, cần khẩn trương hoàn thành việc xây dựng và phê duyệt dự án năng suất chất lượng địa phương thuộc Chương trình 712 đối với các địa phương chưa xây dựng, phê duyệt dự án để đảm bảo tất cả các địa phương đều có dự án năng suất chất lượng được phê duyệt và triển khai; phối hợp với Tổng cục TCĐLCL xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành và triển khai thực hiện Đề án hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

Phối hợp với Bộ KH&CN xây dựng kế hoạch phù hợp với các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin hoặc nâng cấp các công nghệ đã có để đảm bảo tính hiệu quả về mặt kỹ thuật cũng như nội dung thông tin liên kết với Cổng thông tin về hàng rào kỹ thuật trong thương mại quốc gia nhằm đáp ứng các yêu cầu về minh bạch hóa của WTO và các FTA cũng như nhu cầu thông tin TBT của các cơ quan, doanh nghiệp trong nước; thực hiện hoạt động hỗ trợ tư vấn pháp lý và thông tin kỹ thuật cho doanh nghiệp nhằm bảo đảm cân bằng giữa nghĩa vụ và lợi ích trong thực thi Hiệp định TBT và chương trình TBT trong các FTA.

3.4. Lĩnh vực sở hữu trí tuệ

Kiện toàn bộ máy tổ chức và lực lượng cán bộ chuyên trách về sở hữu trí tuệ (SHTT) tại các Sở KH&CN theo Thông tư liên tịch giữa Bộ KH&CN và Bộ Nội vụ số 29/2014/TTLT-BKHCN-BNV; tham mưu xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch hoạt động sở hữu công nghiệp của địa phương trên cơ sở gắn kết

với những thế mạnh và các nhiệm vụ, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tăng cường các hoạt động đào tạo, tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật về SHTT cho các cán bộ quản lý các sở, ban, ngành, huyện, thị, các tổ chức, doanh nghiệp theo các chủ đề chuyên sâu như thực thi quyền SHTT, đăng ký và bảo vệ nhãn hiệu ở nước ngoài... Chủ động đề xuất và phối hợp với Cục Sở hữu trí tuệ trong việc đào tạo đội ngũ cán bộ có khả năng tham gia công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về SHTT của địa phương.

Tiếp tục hoặc xây dựng Chương trình hỗ trợ các doanh nghiệp và cá nhân của địa phương trong việc xác lập, khai thác và thực thi quyền SHTT; hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp phát triển các dịch vụ cho hoạt động SHTT đáp ứng nhu cầu của địa phương (cung cấp thông tin, tư vấn, đại diện sở hữu công nghiệp, giám định SHTT,...); hỗ trợ tổ chức, cá nhân trong việc hoàn thiện các thủ tục đăng ký bảo hộ quyền SHTT, đặc biệt chú ý đến việc đăng ký ra nước ngoài đối với các hàng hóa, sản phẩm có khả năng xuất khẩu cao.

Chủ động đề xuất và phối hợp với Cục Sở hữu trí tuệ triển khai các biện pháp nhằm tăng cường hiệu quả việc khai thác thông tin sáng chế, tổ chức tuyên truyền, phổ biến, khai thác, sản xuất sản phẩm thông tin sở hữu công nghiệp phục vụ cho nhu cầu nghiên cứu, ứng dụng, kinh doanh ở địa phương.

3.5. Phát triển thị trường và doanh nghiệp KH&CN

Các địa phương cần rà soát, đánh giá một cách tổng thể các doanh nghiệp KH&CN tiềm năng làm nguồn cơ sở dữ liệu cho việc phát triển hệ thống doanh nghiệp KH&CN trên địa bàn tỉnh, thành phố. Trên cơ sở đó, xây dựng kế hoạch phát triển doanh nghiệp KH&CN

đồng bộ trên địa bàn tỉnh (ví dụ dưới hình thức đề án phát triển doanh nghiệp KH&CN trên địa bàn tỉnh, thành phố đến năm 2020).

Kiến nghị với Ủy ban nhân dân bố trí ngân sách và phối hợp với Bộ KH&CN cũng như các bộ, ngành liên quan để hỗ trợ các dự án nghiên cứu, hoàn thiện công nghệ, sản phẩm mới đối với các lĩnh vực có thế mạnh của tỉnh, thành phố làm cơ sở thành lập doanh nghiệp KH&CN.

Các Sở KH&CN quan tâm, cập nhật các khó khăn, vướng mắc của các doanh nghiệp KH&CN trên địa bàn. Đi sát cùng các doanh nghiệp để kịp thời tháo gỡ và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp KH&CN được hưởng ưu đãi theo đúng quy định của pháp luật. Trong trường hợp cần thiết, các tỉnh, thành phố có thể gửi văn bản đến cơ quan quản lý của Bộ KH&CN về lĩnh vực doanh nghiệp KH&CN để phối hợp giải quyết các khó khăn, vướng mắc, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp phát triển.

3.6. Đẩy mạnh công tác quản lý, giám sát ở một số hoạt động có tác động xấu và ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường

Đẩy mạnh hoạt động phối hợp, giám sát, kiểm tra, đánh giá trình độ công nghệ đối với các dự án đầu tư trên địa bàn, nhất là các dự án tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

Tăng cường công tác thanh tra hoạt động KH&CN nhằm kịp thời chấn chỉnh việc thực thi chấp hành pháp luật về KH&CN và ngăn chặn việc xâm phạm quyền SHTT, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm hàng hóa kém chất lượng, hàng giả, hàng nhái...

Hy vọng với quyết tâm của Vùng trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sẽ góp phần tạo diện mạo mới cho ngành KH&CN vùng Bắc Trung Bộ trong giai đoạn mới ■